

Quan niệm về thơ trên tạp chí Văn nghệ Quân đội giai đoạn 1986 - 2006 : / Dương Thị Thúy Hằng ; Nghd. : GS.TS. Lê Văn Lân . - H. : ĐHKHXH & NV, 2009 . - 94 tr. + CD-ROM

I.Lý do chọn đề tài

1. Đề sáng tác thơ, nhìn chung, nhà thơ chịu sự chi phối của một hệ thống quan niệm sáng tác, quan niệm này là sản phẩm của tư duy cá nhân kết hợp với những cảm thụ từ phía thời đại.

2.Vị trí của văn học Việt Nam giai đoạn 1986-2006: Văn học thời kỳ đổi mới, với những khúc quanh, đột biến... tất cả đã tạo nên một bộ mặt tươi mới và sinh động chưa từng có, góp phần đưa văn học nói chung, thơ ca nói riêng dịch chuyển theo hướng đi lên. Từ sau 1986 trở lại đây, việc tìm hiểu, nghiên cứu về giai đoạn văn học này đã và đang được được tiến hành rộng rãi, góp phần đưa đến cho độc giả một cái nhìn toàn cảnh.

3.Văn nghệ Quân đội là một tạp chí uy tín từ trước tới nay. Việc tìm hiểu về vấn đề phê bình thơ, luận bàn thơ trên Văn nghệ Quân đội còn rất thưa thớt, hạn chế. Cho đến nay, số lượng bài viết, công trình về lĩnh vực này có thể nói là đếm trên đầu ngón tay.

II.Lịch sử vấn đề

Việc nghiên cứu, tổng hợp, đánh giá những quan niệm về thơ trên tạp chí Văn nghệ Quân đội trong 20 năm (1986 – 2006) đến nay hầu như chưa có công trình nào. Trên tạp chí này cũng chỉ mới in một số ý kiến, nhận định, phát biểu riêng lẻ về thơ. Vì vậy, ở đây, chúng tôi chỉ có thể trình bày chung về những điểm chính của các ý

kiến nhận định đó: bài viết của Đặng Anh Đào (tháng 6/1988); bài viết của Hữu Thịnh (tháng 7/1988), bài viết của Nguyễn Đức Mậu (tháng 6/1992)... Đó là một số ví dụ ít ỏi về việc tìm hiểu vấn đề quan niệm thơ trên Văn nghệ Quân đội. Từ đây, chúng tôi có nhận xét:

1) Những ý kiến luận bàn, tìm hiểu, nghiên cứu về quan niệm thơ trên Văn nghệ Quân đội còn rất hạn chế, không quy mô. Hình thức chủ yếu hiện nay là dừng lại ở các bài viết nhỏ lẻ, đăng rải rác trên các báo chí, trao đổi tại các cuộc hội họp. 2) Những ý kiến, bài viết bàn về đối tượng của luận văn này đều thừa nhận hai điểm cơ bản: 1. Sự đều đặn, “đủ mặt đủ tên” của việc bàn luận, phê bình thơ trên tạp chí; 2. Tính chất riêng biệt, độc đáo, đặc sắc của vấn đề này trên Văn nghệ Quân đội chưa nổi rõ.

III. Đối tượng, nhiệm vụ

3.1. Đối tượng

- Toàn bộ tư liệu có liên quan tới vấn đề *Quan niệm về thơ trên tạp chí Văn nghệ Quân đội (giai đoạn 1986-2006)*, đặt trong mối liên hệ không tách rời với các nội dung khác của tạp chí trong 20 năm nói trên.

- Đối tượng cụ thể là “*Quan niệm về thơ*”.

3.2. Nhiệm vụ

- Thống kê toàn bộ các tri thức liên quan tới vấn đề “Quan niệm về thơ”, trong giai đoạn từ 1986 đến 2006 trên Văn nghệ Quân đội, sắp xếp thành những luận điểm lớn.

- Từ việc thống kê, sắp xếp nói trên, bước đầu đưa ra một số nét chính của vấn đề Quan niệm về thơ trên Văn nghệ Quân đội (1986 – 2006)

IV. Phương pháp

- Thống kê và phân tích

- So sánh

V. Bố cục luận văn

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, Luận văn **“Quan niệm về thơ trên tạp chí Văn nghệ Quân đội giai đoạn 1986-2006”** gồm ba chương:

Chương 1: Giới thuyết thuật ngữ “Quan niệm về thơ” – Một số quan niệm về thơ trong truyền thống văn học Việt Nam

Chương 2: Bối cảnh chung – Những nội dung cơ bản của quan niệm về thơ trên Văn nghệ Quân đội giai đoạn 1986 – 2006

Chương 3: Từ quan niệm đến thực tiễn sáng tác thơ trên Văn nghệ Quân đội giai đoạn 1986 – 2006

CHƯƠNG 1

GIỚI THUYẾT THUẬT NGỮ “QUAN NIỆM VỀ THƠ” – MỘT SỐ QUAN NIỆM VỀ THƠ TRONG TRUYỀN THỐNG VĂN HỌC VIỆT NAM

1.1. Giới thuyết thuật ngữ “Quan niệm về thơ”

Quan niệm về thơ có ích cho nhà thơ trong việc xác định hướng đi, thẩm bình được chính tác phẩm của mình, đồng thời là một phương tiện giúp bạn đọc, các nhà phê bình tiếp cận và đánh giá tác phẩm.

Vậy *Quan niệm về thơ là gì?* Theo nghĩa hẹp, việc trả lời câu hỏi này chính là đi xác định vấn đề: *thơ là gì?* Trong phạm vi luận văn này, trên cơ sở tìm hiểu nguồn tư liệu thực tế, chúng tôi sử dụng khái niệm “Quan niệm về thơ” với ý nghĩa không chỉ lý giải “Thơ là gì” mà còn đề cập tới nhiều vấn đề khác liên quan đến thơ, quá trình hình thành và tiếp nhận thơ ca. Chúng tôi quy vấn đề “Quan niệm về thơ trên Văn nghệ Quân đội giai đoạn 1986 – 2006” về các điểm như sau: *Bản chất thơ, Mối quan hệ giữa thơ và cuộc sống, Nhà thơ và quá trình sáng tác thơ ca, Bạn đọc và hoạt động tiếp nhận thơ...*

1.2. Quan niệm về thơ trước 1986

1.2.1. Quan niệm về thơ thời trung đại

Dân tộc Việt Nam có truyền thống làm thơ cũng như luận bàn về thơ ca. Cho đến ngày nay, khi xem xét thời trung đại, chúng ta

thấy có một hệ thống các quan niệm về thơ khá dày dặn, và chịu ảnh hưởng sâu đậm từ thơ ca Trung Hoa.

Người xưa quan niệm thơ là người, thơ là tâm, là gan ruột. Cảnh chỉ là nơi “*ngụ ý*”, sự chỉ là nơi “*tự thuật*” (Một số ý kiến của Kính Trai Ngô Hy Phan, Nguyễn Thứ Phủ, Ngô Thì Nhậm...). Chức năng giáo hóa răn đời của thơ được đặt lên hàng đầu. Thơ là “*gốc lớn để lập thân, là việc lớn để sửa đời*” (trích lời Lê Quý Đôn); là nơi bộc lộ chí khí, tỏ tấm lòng. Bởi vậy, các bài thơ cổ thường có tiêu đề: *Cảm hoài, Thuật hoài, Thuật hứng...* (Một số ý kiến của Ngô Thế Vinh, Nguyễn Thượng Hiền, Ngô Thì Hoàng, Đinh Linh Uy... - Xin xem luận văn). Xuất phát từ việc coi trọng thơ ca và chức năng giáo hóa của thơ, các tác giả thời trung đại đặc biệt chú ý tới lời thơ – phương tiện chuyển tải tâm tư. Lời cần “*đắc địa*”, không chỉ đúng mà còn hay “*rực rỡ như hoa xuân*”. Nó cần “*mẫu mực mà không gò ép, giản phác mà không buông tuồng*” (Ý kiến của Bùi Ngọc Quỹ, P.Grinstep, Andromenhid...)

1.2.2. Quan niệm thi ca thời 1930-1945

Giai đoạn 1930 – 1945 được coi là một cuộc cách mạng trong văn học Việt Nam; đánh dấu sự đổi khác trên mọi phương diện, trong đó có quan niệm về thơ.

Khác với thời trung đại, ở giai đoạn này, thơ được coi là nơi biểu hiện và đề cao “chữ tôi”. Các nhà thơ đều hướng đến việc đòi giải phóng cái tôi cá nhân trong thơ khỏi những rào cản, ràng buộc, quy phạm. Theo Hoài Thanh, thơ cũ và thơ mới khác nhau chủ yếu ở một điểm quan trọng nhất: một đằng nói chuyện cái ta “*chỉ chung cho nhiều người, cho đoàn thể*”; một đằng nói chuyện cái tôi, cái bản ngã cá nhân. (Ý kiến của Lưu Trọng Lư, Hoài Thanh...). Đến Xuân Thu nhã tập, nhóm này đã kết nạp vào cái tôi cá nhân hiện có của thơ Mới những tín hiệu huyền diệu, linh thiêng, khó nắm bắt và có sắc màu siêu nhiên. Đó là cái tôi nằm ngoài sự cảm nhận thông thường của con người: “*cuộc trở về của thi sĩ trong cái tôi của mình*”

nằm ngoài sự vật”. Thơ chỉ là một sự nhớ lại, một cuộc trở về. Sự thay đổi về quan niệm thơ ca kéo theo sự thay đổi tất yếu về hình thức nghệ thuật...

Về tác phẩm thơ, Hoài Thanh trong ***Thi nhân Việt Nam*** đã xem tác phẩm thơ có hai phần không thể tách rời nhau, đó là “*thi thể*” và “*thi tứ*”. Xuân Thu nhã tập đưa ra khái niệm “*chất thơ*” và cho rằng muốn trở thành một tác phẩm thơ thì yếu tố quan trọng đầu tiên mà nếu không có nó sẽ không có gì hết, đó là chất thơ, đặt trong sự đối lập với chất văn.

Khi bàn về yếu tố tình cảm trong thơ, các tác giả giai đoạn này tiếp nối quan điểm truyền thống của cha ông, khẳng định tình cảm là cái gốc của thơ, không có tình cảm không có thơ (ý kiến Thạch Lam, Vũ Bằng...)

Thơ Mới khẳng định cái tôi, bởi vậy, dấu ấn tác giả trong sáng tạo thi ca được đặc biệt coi trọng. Nhà thơ cần phải biết vượt thoát khỏi những khuôn phép cũ kĩ, sáo mòn... (ý kiến Hoài Thanh)

1.2.3. Quan niệm về thơ giai đoạn kháng chiến cứu nước (1945 – 1975) và trước 1986

Cuộc cách mạng tháng tám 1945 thành công đã mở ra một trang khác cho đất nước cũng như cho thơ ca. Quan niệm về đối tượng của thơ, chức năng thơ, hình thức thể hiện... đều đổi khác. Con người cộng đồng trở thành một lý tưởng tuyệt đối. Thơ ca hướng đến mục đích cao nhất là phục vụ kháng chiến. Có thể nói rằng, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, thơ đã là một phương tiện để kêu gọi, tập hợp sức mạnh tinh thần của quần chúng nhân dân. Để có được những câu thơ “*viết ở kinh tuyến này lại vang động, trào sôi ở kinh tuyến khác*”, nhà thơ sẵn sàng lựa chọn : “*Cái tình tế cỏ hoa tạm thời chưa nghĩ đến. Vì ta đang tính đến sinh mệnh triệu con người và vạn khoảnh non sông*” (Chế Lan Viên). Cảm hứng được quan tâm ưu ái nhất trong thời gian này chính là lòng yêu nước - “*huyết thần kinh nhạy cảm nhất của mỗi người Việt Nam*” (Trần

Quốc Vượng). Cảm xúc cá nhân không phải không được nói đến, nhưng đều được nâng lên cho thống nhất với tình cảm chính trị (tình yêu, tình mẹ con, tình vợ chồng, tình bạn...); được phân xét, đánh giá theo tiêu chuẩn chính trị; có tác dụng tô đậm thêm tình cảm chính trị.

Với quan niệm gắn liền với chính trị, thơ ca tất yếu sẽ phải tìm đến một hình thức dễ hiểu, phải đặt việc quần chúng yêu thích là cái đích cuối cùng.

Có thể khẳng định rằng, quan niệm về thơ giai đoạn 1945 – 1975 thể hiện rất rõ khuynh hướng chính trị: thơ là vũ khí phục vụ kháng chiến, cổ vũ các mạng.

1976- 1985, chiến tranh kết thúc, đất nước bước vào một giai đoạn mới, hàn gắn và phục hồi. Hoàn thành sứ mệnh là *“người lính trên trận tuyến”*, thơ dần trở về với vai trò tự nhiên vốn có của mình: ghi lại những khoảnh khắc, những xúc cảm riêng tư mỗi cuộc đời, con người. Bên cạnh mạch thơ tiếp tục cảm hứng ngợi ca, mang khuynh hướng sử thi, chất “hiện thực trụi trần” được gia tăng trong thơ giai đoạn này. Quan niệm về sự “thánh hóa” của thơ dường như đã có sự thay đổi. Người ta bắt đầu hoài nghi, phân vân và đắn đo khi cho rằng thơ có chức năng “cứu rỗi”, “thanh lọc”. Nhà thơ của thời kì này cũng không phải những *“nhà thơ thơ kĩ”* (trong thơ có kĩ) như có người đã nói về các nhà thơ giai đoạn trước.

CHƯƠNG 2

BỐI CẢNH CHUNG - NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUAN NIỆM VỀ THƠ TRÊN VĂN NGHỆ QUÂN ĐỘI GIAI ĐOẠN 1986 – 2006

2.1.Bối cảnh chung

-Đổi mới đất nước, đánh dấu một giai đoạn khác, với Đại hội VI, các văn kiện của đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, Đảng... Công cuộc đổi mới đã tạo tiền đề cơ bản cho sự phát triển

nhanh chóng của đất nước; đồng thời có sức ảnh hưởng mạnh mẽ tới tất cả các lĩnh vực của đời sống, trong đó có văn học và thơ ca.

Tiếp theo đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng cộng sản Việt Nam (1996 - 2000) phát huy nội dung đường lối văn nghệ trình bày trong Nghị quyết 05 Đại hội V của Đảng, cùng với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật đã nêu ra mục tiêu xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhằm xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống

Trên Văn nghệ quân đội, các cuộc thi đã tổ chức: *Cuộc thi thơ 1989-1990; Cuộc thi thơ 1996; Cuộc thi thơ 2002 – 2004...*Nhiều tài năng được phát hiện, khẳng định: Hồng Thanh Quang, Trương Nam Hương, Phạm Thị Ngọc Liên (Giải nhì cuộc thi thơ 1989-1990); Lương Ngọc An, Nguyễn Hữu Quý (Giải nhì cuộc thi thơ 1996)... Đó là chưa kể đến các cuộc thi thơ khác được phát động trên các Tạp chí Văn nghệ, Sông Hương... Những cuộc thi này giống như chất xúc tác tạo tiền đề thuận lợi cho một phong trào sáng tác và tiếp nhận thơ rộng rãi trong xã hội.

2.2.Những nội dung cơ bản của quan niệm về thơ trên Văn nghệ quân đội giai đoạn 1986 –2006

2.2.1.Bản chất thơ

Thơ là gì? Thơ bắt nguồn từ đâu? Những câu hỏi đó đặt ra hàng nghìn năm trước và vẫn tiếp tục được tìm hiểu.

Trong một thời gian dài, trên Văn nghệ quân đội, số lượng những định nghĩa về thơ và bản chất thơ khá nhiều. Đối tượng đưa ra những quan điểm, những nhận định bàn luận về bản chất thơ ca chủ yếu là các nhà thơ – những người trực tiếp tham gia vào quá trình sáng tạo thi ca. Tuy nhiên đa phần những ý kiến đó còn khá chung chung, chưa thật sự sắc nét, và có lẽ chưa làm “thỏa mãn” người đọc.

Theo thống kê, các định nghĩa có hình thức “thơ là...” có 36 định nghĩa. Các ý kiến có nét chung là đều khẳng định mối quan hệ

mật thiết giữa thơ ca và cuộc đời; coi thơ có sứ mệnh cao cả và thiêng liêng trong việc xây dựng tâm hồn, cứu giúp cuộc đời (ý kiến của Vương Trọng, Mai Ngũ, Nguyễn Thụy Kha, Hồng Thanh Quang, Nguyễn Hữu Quý, Nguyễn Bình Phương, Trần Anh Thái...). Những ý kiến này được lựa chọn dựa trên định hướng của tờ tạp chí; chủ yếu mang tính trực cảm cá nhân, tính lí luận khoa học còn hạn chế, một số chỗ còn thiếu chính xác.

Cách nhìn nhận đánh giá về thơ theo quan điểm “thánh hóa” như vậy không chỉ tồn tại trên Văn nghệ Quân đội; mà khá phổ biến ở nhiều tạp chí, sách báo khác (trích dẫn ý kiến ở tạp chí khác của Đồng Đức Bốn, Vi Thùy Linh... - xin xem luận văn). Tựu chung, họ đều cho rằng: *Thơ trước hết phải là thơ. Khả năng to lớn của thơ ca phải xuất phát từ chính đặc trưng, bản chất nghệ thuật của nó.*

Do đã có sự định hướng trong quá trình lựa chọn và biên tập, nên các ý kiến bàn về bản chất thơ chủ yếu đề cập tới tính cao cả, to lớn mà thơ ca đem lại. Điều này khác biệt với nhiều tờ tạp chí, sách báo bên ngoài. Trên thực tế, ngoài tạp chí Văn nghệ Quân đội, bên cạnh xu hướng “*thánh hóa thơ*” là xu hướng đòi thường hóa thơ ca. Từ những góc nhìn mới so với các bậc tiền bối, với cảm quan hiện thực tỉnh táo, những người làm thơ hôm nay đã nhận thức ra những giới hạn của thơ ca. Thậm chí những người đã từng một thời thần tượng thơ, đặt nhiều kì vọng và tin tưởng tuyệt đối vào những năng lực kì diệu của thơ cũng đã có những nhìn nhận lại. Theo họ, đừng khoác cho thơ những sứ mệnh, những trách nhiệm lớn lao, đừng quá kì vọng vào khả năng của thơ. Thi sĩ cũng chỉ là người trần mắt thịt như bao nhiêu người khác. Đừng ảo tưởng về năng lực của thơ và nhà thơ. Thơ ca rất đẹp, rất đáng trọng, nhưng hoàn toàn không đẹp hơn hay đáng trọng hơn những sản phẩm khác của con người (ý kiến của Ngô Tự Lập, Nguyễn Việt Chiến...). Điều này tạo ra một cái nhìn dân chủ hơn cho thơ.

Về câu chuyện “*thơ hay*” và “*thơ không hay*”, xác định một ranh giới phân chia, các ý kiến nhìn chung đều hướng tới những quan niệm khá truyền thống như tính gợi mở, kín đáo, chống lại yếu tố già và cũ... Những câu thơ hay luôn có xu hướng tách khỏi bài thơ để tồn tại độc lập và lâu bền.

Nhận xét: Các tác giả đều có cách phát biểu khá truyền thống, dựa trên kinh nghiệm bản thân là chính. Điểm chung thứ nhất, của các nhận xét là đều đề cao tính “tinh lọc” của thơ ca, coi thơ ca lãnh địa thiêng liêng, cao quý. Điểm chung thứ hai, các tác giả dù trực tiếp hay gián tiếp, đều thể hiện quan điểm thơ hay trước hết là hay ở nội dung, là “cảm”, là “khó định nghĩa”. Tất nhiên, việc chọn lọc các ý kiến này đã có sự định hướng từ đội ngũ biên tập của Văn nghệ Quân đội.

2.2.2. Mối quan hệ giữa thơ và cuộc sống

“*Nhà thơ tuy chẳng muốn, cũng thấy mình bị ràng buộc vào cuộc biến chuyển của lịch sử*” (Saint John Perse). Trong khoa nghiên cứu văn học, việc xem xét mối quan hệ giữa văn học nói chung, thơ ca nói riêng với cuộc sống là một việc làm có tính tất yếu, bắt buộc.

Giai đoạn 1986 – 2006, hiện thực “nổi cộm” chính là đổi mới đất nước, tâm thế của con người trong hành trình đó. Điều chúng tôi đang quan tâm trong luận văn này, chính là mối quan hệ giữa thơ ca và đời sống giai đoạn đổi mới? thơ ca đã làm được gì, hạn chế điều gì? Và những bàn luận, phê bình về vấn đề này trên văn nghệ quân đội đã thỏa đáng chưa?

Nhìn lại hành trình thơ mấy mươi năm trước, phản ánh hiện thực, cụ thể là hiện thực cách mạng, đã được coi như một phẩm chất, một tiêu chí để đánh giá thơ suốt một thời (ý kiến của Chế Lan Viên, Tố Hữu...)

Các tác giả trên Văn nghệ Quân đội đều khẳng định: thơ và đời có mối quan hệ khăng khít với nhau, thơ phản ánh cuộc đời theo cách thức của riêng mình, không giống văn xuôi hay bất cứ một thể loại

nào khác. (ý kiến Phạm Ngọc Cảnh, Vương Trọng, Nguyễn Đức Mậu, Tế Hanh...)

Đi vào cụ thể vấn đề, trong giai đoạn từ 1986-2006, câu hỏi đặt ra là: Liệu thơ và cuộc đời đã thực sự khăng khít và đúng hướng hay chưa? Câu trả lời chung là chưa. Thơ quá lạm dụng nỗi đau, nỗi buồn, u uất. Họ mãi mê trong mê cung của sự hoài nhớ, tiếc nuối quá khứ và thất vọng về tương lai; trong cái cá nhân đơn lẻ và nhỏ bé; họ than thở, xót xa nhưng dường như vẫn là một kiểu “kêu rồi để đấy”, nó khác hẳn với tinh thần của thơ ca 30 năm trước đó. Và ở một chừng mực nhất định, thơ ca chưa làm tròn sứ mệnh của mình: Chất lượng của thơ đi xuống. Tuy nhiên, những bài nghiên cứu chỉ ra được đích danh đối tượng, xác đáng, không vu vơ như ví dụ về bài viết này nhìn chung còn khá ít trên Văn nghệ Quân đội.

Vấn đề “hiện thực và phản ánh hiện thực” của thơ là đối tượng nhận được sự quan tâm từ nhiều cây bút trong suốt hai mươi năm 1986 – 2006, trên Văn nghệ Quân đội và trên tạp chí, tác phẩm khác. Các ý kiến luận bàn đều thống nhất ở điểm: thơ cần hướng đến cuộc đời, đến hiện thực, một hiện thực đa chiều. Họ hiểu rằng: *“Anh hãy rời bỏ những gì quá xa vời dù có cao siêu/ Để trở lại thế giới thực quanh anh còn những người nhật rúc/ Anh hãy đi bộ dọc theo những ngõ phố hoàng hôn/ Để thấy trái tim mình đau thắt”* (Tự nhủ - Ngô Thế Oanh).

Về vấn đề “thời sự văn học” nóng hổi – đổi mới thơ ca, các tác giả như một mặc định, đều coi ***đổi mới thơ ca đồng nghĩa với việc đổi mới về nội dung***, coi nội dung là cái đích cuối cùng của những trăn trở, suy tư trên cánh đồng thi ca; hình thức chưa hẳn và cũng chưa phải là mục đích của đổi mới. (Các ý kiến của Nguyễn Đức Mậu, Vương Trọng, Nhiều chỗ, các tác giả còn mặc nhiên coi rằng việc đổi mới về hình thức thơ đã trải qua đủ mọi cung bậc, biến tấu, cuối cùng cũng chỉ đến thể mà thôi. Những thứ thơ cách tân, đổi mới về hình thức được đồng nhất với thơ “chuộng lạ”, lạ chứ không phải mới.

Chúng tôi cho rằng, quan niệm như vậy tuy đúng nhưng chưa đầy đủ. Đổi mới thơ ca bao gồm cả hai mặt: đổi mới nội dung để đào sâu khám phá những mạch sâu của cuộc sống và đổi mới hình thức để tìm ra những cách diễn đạt độc đáo, hợp lý hơn. Tất nhiên, đổi mới nội dung là quan trọng. Nhưng chưa bao giờ, câu chuyện đổi mới văn học lại chỉ dừng ở khía cạnh nội dung. Ở đây, hai phạm trù “lạ hóa” và “đổi mới” là hoàn toàn khác nhau. Và ở một chừng mực nhất định, một số tác giả của Văn nghệ Quân đội đã có sự nhầm lẫn giữa hai khái niệm này.

2.2.3. Ngôn ngữ thơ

“Thơ là nghệ thuật lấy ngôn ngữ làm cứu cánh” (Jakobson). Trên Văn nghệ Quân đội, các tác giả cũng thừa nhận tầm quan trọng đặc biệt này của ngôn ngữ: *“Vì thế, có người cho rằng ngôn ngữ thơ đã sáng tạo ra muôn loài. Sự thừa nhận này được đặt trong mối quan hệ không tách rời với yếu tố tư tưởng, nội dung.* Các ý kiến thể hiện sự phản ứng khá gay gắt với những yếu tố mới lạ về ngôn ngữ của một số cây bút, đó là “câu kỳ hóa”, “lạ hóa”, rườm rà. Từ đây, những tập thơ như *“Thơ tình Bùi Chí Vinh”* (Bùi Chí Vinh), *Ngựa biển* (Hoàng Hưng), *Bến lạ và Ô Mai* (Đặng Đình Hưng), *Bóng chữ* (Lê Đạt), *Người đi tìm mặt* (Hoàng Hưng), *Sự mất ngủ của lửa* (Nguyễn Quang Thiều)... đều bị phản đối.

Có thể thấy rằng, những quan niệm nói trên nhìn chung mang tính phổ quát của nền lý luận phê bình văn học chúng ta một thời đã qua. Nó cho thấy một thái độ không mấy mặn mà ưu ái của các tác giả trên Văn nghệ quân đội về một số hiện tượng mới trong thơ Việt đương đại. Ở đây, các ý kiến tuy không phủ nhận vai trò của yếu tố hình thức nghệ thuật trong thơ, song cũng chưa thật sự đặt nó vào đúng giá trị. Trong quá trình sáng tác và tiếp nhận, chính việc đề cao tư tưởng nội dung, xem nhẹ yếu tố hình thức nghệ thuật, các tác giả đã làm mờ nhạt khát vọng và khả năng khám phá, sáng tạo của chính

mình trong việc cách tân hình thức nghệ thuật thơ, đưa thơ tiệm cận đến đời sống thơ ca của thế giới.

2.2.4.Nhà thơ, chủ thể sáng tạo thơ

2.2.4.1.Tài năng và yếu tố cảm xúc

Đây là một vấn đề được bàn tới từ xưa, trở thành “riết nóng” ở giai đoạn này, bởi chưa bao giờ, vấn đề tài năng lại được đặt ra cần thiết như hiện nay.

Tiếp nối truyền thống, các tác giả trên Văn nghệ quân đội khẳng định vấn đề “thiên bẩm”, “năng khiếu”. Thơ là “Vùng cấm” không phải ai cũng đến được. Có tác giả còn lấy tài năng là dấu mốc để phân chia ranh giới người làm thơ và người sáng tác văn (các ý kiến của Nguyễn Thụy Kha, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Ngô Vĩnh Bình...)

Tuy khẳng định yếu tố tài năng gắn liền với cảm xúc, các tác giả đều chú ý đến các yếu tố khác rất quan trọng như sự khổ luyện, học vấn, vốn sống, sự hiểu biết.

2.2.4.2.Trách nhiệm nhà thơ

Ở mỗi một thời đại, việc xác định phạm trù “trách nhiệm nhà thơ” nhìn chung khác nhau. Khác ở cái thần thái, tác phong, khác ở tinh thần thi sĩ (thi sĩ thời kỳ 1930 – 1945; thi sĩ ở các đô thị miền Nam 1954 – 1975; thi sĩ ở miền Bắc Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, nhà thơ hiện nay... - xem luận văn)

Trên Văn nghệ Quân đội, trách nhiệm nhà thơ xuất hiện nhiều và có mối quan hệ “tỉ lệ nghịch” với lực lượng sáng tác. Thời hậu chiến, số lượng cây bút tham gia sáng tác thơ tăng lên một cách đột biến. người người làm thơ, nhà nhà làm thơ. Nhưng không vì thế mà chất lượng thơ tăng lên; sự hào hứng của độc giả giành cho thơ ca phát triển. Nếu như ở giai đoạn trước, nhà thơ là người góp phần thực sự vào cuộc kháng chiến vĩ đại của đất nước “*Vóc nhà thơ đứng ngang tầm chiến lũy*”, thì nay, vì một lý do nào đó, nhà thơ im lặng hay lãng quên, ngợi ca hay tán dương những điều xa lạ và phù phiếm

với nhịp đập đầy trần trở của trái tim đất nước (ý kiến của Hà Phi Long, Anh Ngọc...)

Đâu là lý do làm cho tình trạng đó xảy ra một cách phổ biến? Do số lượng người viết quá lớn và trình độ cũng như nhận thức còn khá “pha tạp”, chưa được định hướng rõ ràng? Do tinh thần tự do, “cởi trói” mà Đại hội Đảng lần thứ VI mang lại? Do bước vào thời buổi hạch toán kinh doanh và gần đây là bước sang cơ chế thị trường, thơ cũng trở thành một món hàng, và nhà thơ là người “kinh doanh đặc biệt”: *“Nhà thơ trong thời buổi hạch toán kinh doanh, cân bằng thu chi, qua đầu ra đầu vào bây giờ không như các nhà thơ lớp trước, thời bao cấp nữa”* [61; tr. 95]. Hay đơn giản, đó chỉ là một quy luật tất yếu, phù hợp với sự phát triển của thơ ca và có mối *“đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”* với hiện thực đất nước hai mươi năm vừa qua?

Quan niệm về tính “đời thường hóa” trong nhân cách nhà thơ, phần nào gắn với quan niệm “đời thường hóa thơ”. Trên thực tế, nhiều người cho rằng nhà thơ cũng là một người thường như bao nhiêu những người thường khác. Đừng bắt nhà thơ phải khoác những lớp áo mũ miều, phải nói những lời có cánh, khi đời thường xô bồ hỗn loạn “com áo làm tan giấc mơ”. Các nhà thơ trong những năm cuối của thế kỉ XX đã rũ bỏ hết những hào quang thuở trước, không khoác cánh thiên thần mà trở về trong vẻ đời thường, có khi trần tục, khi chân thành, lúc trào lộng, chua chát. (trích dẫn ý kiến của Nguyễn Đăng Thường, Chân Phương, Chế Lan Viên, Nguyễn Duy, Lê Minh Quốc...)

2.2.5. Bạn đọc và hoạt động tiếp nhận thơ

“Khủng hoảng thơ” và “Khủng hoảng bạn đọc” trở thành một vấn nạn khi đề cập tới “hoạt động tiếp nhận thơ” trên Văn nghệ Quân đội giai đoạn 1986 – 2006.

Thơ không còn giữ được địa vị cao quý, thiêng liêng trong đời sống văn hóa xã hội. Đã có nhiều lúc, người ta quay lưng lại với thơ, người viết cứ viết, người bàn luận cứ bàn luận; còn người đọc thì thờ ơ, thậm chí chán nản trước bất cứ một hiện tượng nào. Thơ ca trở thành một thứ phù phiếm, một cái gì đó xa lạ và có phần khác người; và nhà thơ – không còn được chào đón, hoan nghênh nồng nhiệt như trước (Phong Lê, Phạm Quốc Ca...)

Việc đi tìm lối thoát và câu trả lời đích đáng cho hiện tượng trên cũng nan giải không kém. Chính bản thân người viết cũng không xác định, hay là không “theo kịp” được nhu cầu của bạn đọc và xã hội; và như thế, làm thơ cũng giống như một thứ tung hỏa mù, không cần biết có trúng đích hay không (Nguyễn Ngọc, Phạm Quốc Ca, Nguyễn Bá Thành...)

Thực tế, trên các tạp chí khác, nhiều ý kiến cũng có nét tương đồng với kiến giải của hai tác giả nói trên. Nhiều nhà phê bình, nghiên cứu cho rằng nếu người viết không có ý thức nâng cao trình độ, tư cách nghề nghiệp... thì câu chuyện “khủng hoảng thơ” sẽ tiếp tục là một vấn nạn nhức nhối: “*Tràn lan cái giống thơ*” (Inrasara, Vương Trí Nhàn...)

CHƯƠNG 3

TỪ QUAN NIỆM ĐẾN THỰC TIỄN SÁNG TÁC THƠ TRÊN VĂN NGHỆ QUÂN ĐỘI GIAI ĐOẠN 1986 - 2006

Ở chương 3, luận văn tiếp tục đi xem xét sự ảnh hưởng đó, trong ý thức về mối liên hệ giữa lý luận và thực tiễn sáng tác. Chương 3 sẽ đề cập tới nét ảnh hưởng trên hai phương diện: nội dung (thể hiện sinh động quan niệm thơ hay trước hết là ở nội dung, ghi lại những tâm tình người lính và những biến chuyển cuộc đời) và hình thức (ngôn ngữ và giọng điệu). Trong đó, yếu tố nội dung là yếu tố được chú ý nhiều hơn, căn cứ trên mức độ tập trung đậm đặc của các quan niệm thơ về nội dung.

3.1. Thơ hay trước hết là ở nội dung – “Chúng tôi làm thơ ghi lại cuộc đời mình”

Thơ hay trước hết ở nội dung, ở tâm lòng, sau đó mới là chuyện câu chữ. Mỗi câu thơ là những rung động được chất lọc từ cuộc đời, vì cuộc đời mà sinh ra và tồn tại. Quan niệm như vậy, thấu hiểu như vậy, trong 20 năm (1986 – 2006), tạp chí Văn nghệ Quân đội đã trở thành nơi chia sẻ, giải bày những tâm sự, những suy tư xúc cảm chân thành của các nhà thơ. Đó là thơ giành cho những người lính, vừa chất lọc tinh tế, vừa giản dị đời thường, tránh xa những cầu kỳ rắc rối. Những người biên tập thơ Văn nghệ quân đội hiểu rằng, thơ chinh phục độc giả, ở đây lại là một lớp độc giả đặc biệt – người lính – bằng chính sự chân thành, bằng chính nội dung sâu sắc. Mỗi bài thơ thực sự là một hương sắc hữu ích cho đời. Những mảng nội dung được đề cập chủ yếu trên các trang thơ Văn nghệ Quân đội: vết thương chiến tranh và sự trở về của người lính; những mất mát của người con người thời hậu chiến, đặc biệt là người phụ nữ; những nhọc nhằn đời thường; những dự cảm lo âu trước cuộc đời đen bạc, về hạnh phúc và tình yêu... (xin xem luận văn)

Tuy nhiên, việc viết về hiện thực bình thường hoàn toàn không phải mang ý nghĩa “giải thiêng”, hạ bệ những gì chúng ta đã làm được ở thời gian trước. Đó là một cách “lật ngược vấn đề”, để mỗi độc giả thấy được cái giá phải trả cho hạnh phúc ngày hôm nay, những mất mát hi sinh mà người đi trước đã phải trả.

3.2. Ngôn ngữ thơ và giọng điệu thơ

3.2.1. Ngôn ngữ thơ

Ngôn ngữ thơ trên Văn nghệ Quân đội trong 20 năm (1986 – 2006) là ngôn ngữ cuộc sống, từ cuộc sống đi vào thơ, không cầu kỳ mà giản dị.

Trên thực tế, xuất phát từ quan niệm **“thơ là chơi”, “thơ là nghệ”**, nhiều người đã tìm đến những cách diễn đạt tân kỳ, mới lạ (Trần Dần, Dương Tường, Lê Đạt, Thanh Thảo, Trần Nguyễn Anh, Nguyễn Thị Từ Huy...)

Với quan niệm thơ hay trước hết ở nội dung, ngôn ngữ là yếu tố để biểu đạt nội dung đó, các bài thơ trên Văn nghệ Quân đội đã tìm đến với một lối diễn đạt giản dị, trong sáng, dễ hiểu và có độ súc tích cao. Điều này phù hợp với truyền thống của một tờ tạp chí có tuổi đời trên năm mươi năm, cũng phù hợp với đối tượng thường thức nói chung.

-Ngôn ngữ trong sáng giản dị nhưng hàm súc

-Ngôn ngữ đời thường thể hiện sự thay đổi cái nhìn của nhà thơ

Ngôn ngữ trong sáng, giản dị, thể hiện trực tiếp tình cảm, tạo cảm giác thuận, thoải mái trong tiếp nhận. Các kết hợp từ, ví von thường theo kiểu truyền thống, không khó hiểu và làm dáng như nhiều “cách tân” thường thấy: “*Tôi về bóng súng cầu ao/ Nở như*

chưa biết chiêm bao chị buồn/ Bước chân lại gặp lối mòn/ Sân rêu cây cỏ che tròn bóng nhau” (Một thoáng trở về - Bình Nguyên). Nhiều tác giả nỗ lực trong việc khám phá sự phong phú của “cái tôi ẩn giấu”, dám phơi bày những bi kịch nhân sinh, hoài nghi những giá trị vốn đã qua ổn định để đi tìm những giá trị, những hình thức tổ chức ngôn từ mới: *“Cơ thể tôi đêm trái gió trở trời/ Chiến tranh cất lên tiếng kêu kim loại/ Trong căn nhà nhiều gió mưa người vợ góa/ Chiến tranh mang khuôn mặt gì*” (Đất ngoài vùng phủ sóng – Nguyễn Đức Mậu).

-Loại ngôn ngữ đời thường thể hiện sự thay đổi cái nhìn của nhà thơ về cuộc sống và quan niệm thẩm mỹ. Cuộc sống thời hậu chiến đặt nhà thơ vào một vị thế khác trước, cuốn họ vào những mối quan tâm khác so với hoàn cảnh đất nước có chiến tranh. Thơ ca bắt đầu chú ý hơn đến những chuyện tưởng như nhỏ nhặt nhưng giàu ý nghĩa nhân sinh, đó là chuyện mưu sinh, chuyện những người lính phải thua thiệt, chuyện các giá trị đạo đức bị đảo lộn. Giờ đây, thơ nhìn xuống, nhìn xung quanh mình, cuộc sống hiện ra với mọi màu sắc của nó: hạnh phúc và đau khổ; vinh quang và cay đắng; giàu sang và cơ cực; cao cả và thấp hèn... Tuy nhiên, đây hoàn toàn không phải kiểu ngôn ngữ bị “phàm tục hóa”, kiểu như *“nhớ điên cuồng mùi anh như con bò cái nhớ mùi phân rác”* (Hoàng Hưng); *“em hóa cọng hành – tôi thành tốp mỡ nếm canh ái tình”* (Bùi Chí Vinh), gây phản cảm với người đọc.

Việc tiếp nhận yếu tố tự sự với chất văn xuôi được gia tăng, ngôn ngữ thơ giai đoạn này có nhiều biểu cảm hơn. Ngoài việc biểu hiện phong cách cá nhân, nó còn làm cho ngôn ngữ trở nên sinh động, bình dị, gần với mọi người, với cuộc sống: *“Người lính/ Khoác*

ba lô bạc màu/ Đi xuôi chiều gió thổi/ Ngược chiều honda, xe cup/ Ngược chiều giá cả nhảy vọt/ Ngược chiều thủ đoạn mưu mô/ Những người đi ngược chiều anh/ Ném vào anh cái cười lạnh nhạt/ Bụi đường tán ngang mặt anh lấm láp/ Người lính khoác ba lô bạc màu/ Về phép” (Ngược chiều – Tô Nhuận). Lối từ sinh hoạt đời thường xuất hiện nhiều, góp phần phá bỏ tính trang nhã, ước lệ, bộc lộ một cái nhìn hiện thực hóa đối với cuộc chiến tranh đã đi qua và đời sống hiện tại. Cách nói mang tính khẩu ngữ của quần chúng: *“Hình như cha mẹ trước hiền/ hình như trước nữa tổ tiên cũng lành”* (Phạm Ngọc Cảnh) Hay *“Quê tao chim bay về/ Cả tuần che mắt nắng/ Quê tao muốn nhậu rần/ Quờ tay tóm chục con/ Quê tao muốn xải lươn/ Nháy mắt, bắt chục ký”* (Nhớ Nguyễn Văn Danh – Bùi Xuân Thu). Và đổi mới ngôn ngữ ở đây, ***đã được hiểu là tìm những chiều sâu hơn, mới hơn, đậm hơn trong cách diễn đạt, phô bày ý tưởng của nhà thơ.***

3.2.2. Giọng điệu thơ

Trong hai mươi năm (1986-2006), thơ trên Văn nghệ Quân đội tiếp tục phản ánh sự vĩ đại của dân tộc qua hai cuộc chiến tranh bằng chất giọng hùng tráng. Xu hướng này vừa là sự tiếp nối chủ âm thơ trước 1975 như một quán tính, vừa thể hiện nỗ lực của các nhà thơ trong quá trình cắt nghĩa và lí giải những vấn đề trong và sau chiến tranh. So với thơ trước 1975, giọng thơ giai đoạn này có phần “hạ tông” và chứa đựng nhiều suy tư chiêm nghiệm hơn: *“Tôi lớn lên như cỏ dại/ Như bông hoa nở chỗ vắng người/ Con chim tu hú ơi/ Bài học đầu tiên về Tổ quốc/ Là con chim không có tổ đi để nhờ/ Mẹ ở lại với mái nhà dột nóc/ Éch tháng ba kêu xót ruột người già...”* (Tổ Quốc của tình yêu)

Thể tài thể sự - đời tư trở nên nổi bật và gắn liền với nó là chất giọng **tự thú** và chất giọng **giấu nhai**. Hai chất giọng này cho phép người đọc hình dung được về cuộc sống bên cạnh cái trong veo, thuần khiết là những thứ “tèm nhem tâm hồn”. Cả hai đều tồn tại bình đẳng trong một thế giới không phải lúc nào cũng cắt nghĩa theo logic nhân quả. Đó là lí do chúng ta hiểu vì sao cái tôi trong thơ sau này là cái tôi đa diện, cái tôi cá nhân với những lo âu giằng xé và hướng nội.

Chất giọng chứa đựng sự tin tưởng là một nhánh song song của giọng điệu thơ trên Văn nghệ Quân đội (1986 – 2006). Giọng điệu tin tưởng, chi phối tới hướng vận động của chủ thể trữ tình trong mỗi bài thơ. Trong hai mươi năm (1986 – 2006), trên Văn nghệ Quân đội, số lượng bài thơ đề cập tới mất mát, đau buồn từ chiến tranh, từ đời thường khá nhiều. Tuy nhiên, không vì thế mà thơ bị chìm xuống, mang tâm thế bị quan chán nản.

PHẦN KẾT LUẬN

Qua quá trình tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy một số nét lớn về vấn đề “Quan niệm về thơ trên tạp chí Văn nghệ Quân đội” giai đoạn 1986 – 2006 như sau:

1. Trong hai mươi năm thời kỳ đổi mới 1986 – 2006, Văn nghệ Quân đội đã xây dựng cho mình một số lượng tư liệu liên quan đến lĩnh vực bàn luận, phê bình, nghiên cứu về thơ ca khá phong phú. Tri thức này được thể hiện dưới nhiều hình thức: các bài nghiên cứu, các bài trao đổi phỏng vấn, những ý kiến nhỏ lẻ; trên nhiều phương diện: *Bản chất thơ, Mối quan hệ giữa thơ ca và đời sống, Nhà thơ, Bạn đọc và hoạt động tiếp nhận...* Qua việc tìm hiểu, nghiên cứu những

tri thức nói trên, chúng ta có thể phần nào hình dung ra được bộ mặt của việc nhìn nhận, đánh giá về thơ trong hai mươi năm vừa qua.

2. Việc nhìn nhận, đánh giá, thể hiện “*Quan niệm về thơ*” trong hai mươi năm 1986 – 2006 nhìn chung còn khá “*hiền lành*”, cơ bản có sự tiếp nối những quan niệm về thơ trước đó. Các ý kiến luận bàn đánh giá chủ yếu mang tính trực cảm, kinh nghiệm; số lượng bài mang tư duy nghiên cứu khoa học còn ít. Trước những hiện tượng được coi là dấu hiệu của việc thay đổi trong hình thức biểu hiện, trước nhiều tên tuổi thơ ca mới, chúng tôi cho rằng Văn nghệ Quân đội còn khá dè dặt và phần nào hạn chế. Chưa có nhiều bài viết đề cập đến những vấn đề “mới”, “nóng”; Chưa thực sự có nhiều kiến giải sắc sảo liên quan đến những vấn đề đó. Việc phân bổ tri thức liên quan đến thơ ca trong hai mươi năm 1986 – 2006 trên Tạp chí Văn nghệ Quân đội còn thiếu sự cân đối, tập trung chủ yếu vào 10 năm đầu (1986 – 1996), 10 năm sau, số lượng bài viết hay chuyên mục bàn về thơ thưa thớt. Điều này dễ mang đến cho độc giả một suy nghĩ: phải chăng những tri thức liên quan đến vấn đề thơ ca không còn được chú ý nhiều trên Văn nghệ Quân đội? Hoặc trong việc phân bổ tri thức thơ trên Văn nghệ Quân đội những năm gần đây nên xem lại?

3. Trong hai mươi năm (1986-2006), trên Văn nghệ Quân đội, có nhiều bài thơ đặc sắc, thể hiện khá rõ Quan điểm, lập trường về thơ của các tác giả và đội ngũ biên tập tạp chí. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, tạp chí nên có sự gia tăng thêm mảng thơ của những cây bút trẻ đương đại, chọn lọc những bài thơ của các tác giả trẻ vừa có chiều sâu về nội dung, vừa chứa đựng sự đổi mới mạnh mẽ về hình thức thơ; song vẫn phù hợp với đối tượng bạn đọc của tạp chí. Phạm

vi đề tài cũng nên có sự mở rộng, để tránh sự lặp lại, tạo sự sinh động cho các mảng màu nội dung thơ được thể hiện trên Văn nghệ Quân đội. /
